

# IMPERATIVES

**Bài 1: Chuyển các câu mệnh lệnh sau đây từ dạng câu khẳng định sang phủ định:**

1. Go straight.

.....

2. Pass the bank.

.....

3. Cross the road.

.....

4. Turn left.

.....

5. Walk to the corner.

.....

6. Look at the map.

.....

**Bài 2: Hoàn thành các câu sau bằng cách điền cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống:**

Turn left	Stop the car	Help me!	Have	Don't listen
Pass	Don't be late	Open	Come	Catch
Take	Come in	Don't wait	Don't forget	

1. .... for me. I'm not coming tonight.

2. ....with you. It's raining.

3. .... a rest. You look tired.

4. ....at the end of the street.

5. ....I can't swim.

6. ....to take your passport.

7. .... There is a mouse in the road.

8. ....to my cocktail party, please.

9. ....your book at page 15.
10. .... the salt, please.
11. ....to that record. It's terrible.
12. ....The train leaves at 8 o'clock.
13. .... and have a glass of lemonade.
14. ....the first train in the morning.

**Bài 3: Viết câu mệnh lệnh dựa vào động từ cho sẵn:**

EX : **Go** upstairs. (to go)

**Don't swim** in this lake. (not/to swim)

1. ....your homework. (to do)
2. .... football in the yard. (not/to play)
3. .... your teeth. (to brush)
4. .... during the lesson. (not/to talk)
5. .... the animals in the zoo. (not/to feed)
6. .... the instructions. (to read)
7. .... late for school. (not/to be)
8. .... your mobiles. (to switch off)

**Bài 3: Sắp xếp các từ sau để tạo thành câu mệnh lệnh hoàn chỉnh:**

1. use/umbrella/do not/my/him/let.  
.....
2. first/the/take/on/right/the/tunning!  
.....
3. tell/things/me/such/don't!  
.....
4. that./.Don't/like/speak  
.....
5. attention/pay/to/Don't/her.  
.....
6. too/fast./Don't/drive  
.....
7. doors./.Close/the  
.....